

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH YÊN BÁI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1104/GPMT-UBND

Yên Bái, ngày 28 tháng 6 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Xét báo cáo kiểm tra báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án đầu tư chăn nuôi lợn nái siêu nạc chất lượng cao thôn Khe Gai, xã Đông An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái của Công ty Cổ phần Thương mại Đông An số 194/BC-HĐTĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Thương mại Đông An tại Văn bản số 01/CV-2023 ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư chăn nuôi lợn nái siêu nạc chất lượng cao thôn Khe Gai, xã Đông An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái và hồ sơ đã được chỉnh sửa kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái tại Tờ trình số 283/TTr-STNMT ngày 27 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Thương mại Đông An, địa chỉ tại Thôn Khe Gai, xã Đông An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư chăn nuôi lợn nái siêu nạc chất lượng cao thôn Khe Gai, xã Đông An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn nái siêu nạc chất lượng cao thôn Khe Gai, xã Đông An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Khe Gai, xã Đông An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

1.3. Loại hình: Chăn nuôi lợn nái siêu nạc chất lượng cao.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Trang trại có tổng diện tích là 65.285,3 m².

- Quy mô, công suất: Lợn nái 1.800 con, lợn con xuất bán 45.150 con lợn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với bụi và khí thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Thương mại Đông An có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu mùi, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh

Yên Bái (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để xem xét, giải quyết theo quy định.


Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 7 năm kể từ ngày ký Giấy phép. Giấy phép này được cấp cho Trang trại chăn nuôi lợn nái siêu nạc chất lượng cao thôn Khe Gai, xã Đông An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Điều 4. Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư chăn nuôi lợn nái siêu nạc chất lượng cao thôn Khe Gai, xã Đông An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái của Công ty Cổ phần Thương mại Đông An hết hiệu lực thi hành kể khi từ ngày Giấy phép môi trường được cấp.

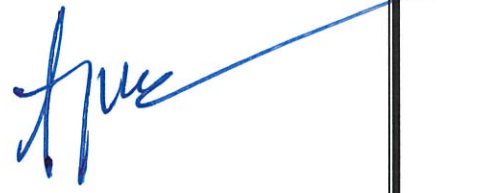
Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Văn Yên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Đông An; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Văn Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đông An, huyện Văn Yên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận: 

- Như Điều 6;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm ĐHTM tỉnh;
- Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Phước

PHỤ LỤC 01:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: M04/GPMT-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Trong quá trình hoạt động chăn nuôi của Trang trại tổng lượng nước thải phát sinh từ các nguồn thải sinh hoạt, chăn nuôi là 59 m³/ngày đêm, cụ thể:

+ Nước thải sinh hoạt: Nguồn phát sinh từ sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên trong Trang trại là 5,0 m³/ngày đêm.

+ Nước thải chăn nuôi: Nguồn phát sinh từ hoạt động chăn nuôi lợn là 54 m³/ngày đêm.

- Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu trong nước thải là: chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅, COD), các chất dinh dưỡng (tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P)) và các vi sinh vật...

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải của Trang trại là khe cạn (cách Ngòi Hút khoảng 100 m) sau đó thải ra suối Ngòi Hút thuộc địa phận thôn Khe Gai, xã Đông An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải của Trang trại là khe cạn (cách Ngòi Hút khoảng 100 m) sau đó thải ra suối Ngòi Hút thuộc địa phận thôn Khe Gai, xã Đông An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiếu 30) là: X = 2428535; Y = 479293.

2.3. Lưu lượng xả nước thải: lớn nhất là 59 m³/ngày đêm, tương đương 2,46 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Nước thải sau xử lý được xả thải với chế độ liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Nước thải (nước thải chăn nuôi và nước thải sinh hoạt) sau khi xử lý đạt Quy chuẩn nước thải chăn nuôi QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, hệ số K_q = 1,0; K_f = 1,2 với các thông số như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Quy chuẩn áp dụng QCVN 62-MT:2016/BTNMT ($K_q = 1,0; K_f = 1,2$)
1	pH	-	5,5-9
2	BOD ₅	mg/l	90
3	COD	mg/l	270
4	TSS	mg/l	135
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	135
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	4.500

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom và công trình, thiết bị xử nước thải

1.1.1. Nước thải sinh hoạt

- Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom đưa về bể tự hoại 03 ngăn, sau khi qua bể tự hoại dẫn về hệ thống xử lý nước thải có công suất 60 m³/ngày đêm bằng đường ống bằng PVC D110 để xử lý sau đó thải ra khe cạn (cách Ngòi Hút khoảng 100 m) sau đó thải ra suối Ngòi Hút thuộc địa phận thôn Khe Gai, xã Đông An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên.

- Nước tắm giặt, nước thải từ khu vực nhà bếp được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải có công suất 60 m³/ngày đêm bằng đường ống bằng PVC D60 để xử lý sau đó thải ra khe cạn (cách Ngòi Hút khoảng 100 m) sau đó thải ra suối Ngòi Hút thuộc địa phận thôn Khe Gai, xã Đông An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên.

1.1.2. Nước mưa chảy tràn

- Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn khu vực nhà văn phòng, nhà ở công nhân, chuồng trại: Thu gom bằng hệ thống rãnh thoát nước, trên hệ thống rãnh bố trí 8 hố ga để lắng bùn đất, nước sau khi qua rãnh và hố ga được dẫn về hồ lắng, nước sau khi được lắng bùn đất sẽ chảy ra Ngòi Hút.

- Hệ thống thu gom nước mưa khu vực công trình xử lý nước thải: Bố trí rãnh xây, rãnh đất và ống thu gom chạy dọc theo chân taluy tiếp giáp với công trình xử lý nước thải (hồ biogas, hồ điều hòa, hồ thiếu khí, hồ hiếu khí, hồ lắng...) để thu gom, ngăn nước mưa chảy tràn khu vực xung quanh chảy vào công trình xử lý nước thải, nước thải sau thu gom được thải ra Ngòi Hút.

1.1.3. Nước thải chăn nuôi

Mạng lưới thu gom trong chuồng: Nước thải từ khu vực chuồng nuôi (bao gồm được dẫn về bể lắng của mỗi dãy chuồng nuôi, sau đó dẫn xuống bể gom khu vực máy ép phân bằng đường ống PVC D 200, sau đó qua máy ép phân, phân được tách đưa về khu vực kho chứa phân, nước thải đưa sang bể biogas bằng đường ống PVC D110, sau đó dẫn sang hệ thống xử lý nước thải có công suất 60

m³/ngày đêm bằng hệ thống đường ống PVC D110.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt: Xây dựng bể tự hoại 03 ngăn, dung tích 5,0 m³, kích thước: Ngăn 1: L x B x H=2600 mm x 1200 mm x 1200 mm; ngăn 2: L x B x H = 1000 mm x 1200 mm x 1200 mm; ngăn 3: L x B x H =1600 mm x 1200 mm x 1200 mm.

1.2.2. Nước mưa chảy tràn

- Khu vực nhà văn phòng, nhà ở công nhân, chuồng trại: Xây dựng rãnh thoát nước bằng gạch, kích thước chiều rộng x chiều sâu = 0,6 m x 0,8 m, tổng chiều dài khoảng 800 m, dọc khu vực rãnh bố trí 08 hố ga có kích thước dài x rộng x cao = 0,6 m x 0,6 m x 1,0 m và hồ lắng có diện tích khoảng 1.500 m², dung tích khoảng 3.000 m³.

- Khu vực công trình xử lý nước thải: Đào rãnh đất kích thước 0,4 m x 0,6 m, chiều dài 280 m.

1.2.3. Nước thải chăn nuôi

- Quy mô của công trình xử lý nước thải chăn nuôi: Công suất thiết kế 60 m³/ngày đêm.

- Các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng: Javen, PAC, NaHCO₃, Polymer.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi:

TT	Hạng mục công trình xử lý	Thông số kỹ thuật	Thể tích (m ³)
1	Máy tách phân	- Số lượng: 01 máy - Lưu lượng nước + phân: 15 m ³ /giờ - Lượng điện tiêu thụ trung bình: 5,5-7,5 kWh - Thời gian chạy máy 01 tuần hoạt động 02 lần.	
2	Bể lắng dây chuồng nuôi heo đê (gồm 03 dây chuồng, mỗi dây chuồng 01 bể)	- Số lượng: 03 bể - Kích thước mỗi bể (Dài x rộng x cao) = 1,5m x 2,5m x 1,5m.	5,6
3	Bể lắng dây chuồng mang thai (gồm 02 dây chuồng, mỗi dây chuồng 01 bể)	- Số lượng: 02 bể - Kích thước mỗi bể (Dài x rộng x cao) = 1,5m x 2,5m x 2,0m.	7,5
4	Bể lắng dây chuồng nuôi heo đực và cách ly (gồm 01 dây chuồng).	- Số lượng: 01 bể - Kích thước (Dài x rộng x cao) = 1,5m x 2,5m x 2,5m.	9,4

TT	Hạng mục công trình xử lý	Thông số kỹ thuật	Thể tích (m ³)
5	Hồ biogas	- Số lượng: 01 hồ - Kích thước (Dài x rộng x cao) = 25m x 20m x 6,5m.	3.250
6	Bể điều hòa	- Số lượng: 01 bể - Kích thước (Dài x rộng x cao) = 35m x 22m x 2,5m.	1.925
7	Bể thiếu khí	- Số lượng: 01 bể - Kích thước (Dài x rộng x cao) = 22m x 20m x 3,0m.	1.320
8	Bể hiếu khí	- Số lượng: 01 bể - Kích thước (Dài x rộng x cao) = 32m x 20m x 3,0m.	1.920
9	Bể lắng lamen	- Số lượng: 01 bể - Kích thước (Dài x rộng x cao) = 8m x 5,0m x 2,8m.	112
10	Bể lọc thô	- Số lượng: 01 bể - Kích thước (Dài x rộng x cao) = 9m x 5,0m x 2,8m.	126
11	Hồ sinh học 01	- Số lượng: 01 hồ - Kích thước (Dài x rộng x cao) = 20m x 15m x 3,0m.	900
12	Hồ sinh học 02	- Số lượng: 01 hồ - Kích thước (Dài x rộng x cao) = 18m x 15m x 3,0m.	810
13	Bể khử trùng	- Số lượng: 01 bể - Kích thước (Dài x rộng x cao) = 3m x 5,0m x 2,0m.	30
14	Hồ sự cố	- Số lượng: 01 hồ - Kích thước (Dài x rộng x cao) = 15m x 4m x 2,5 m.	150

- Công suất thiết kế của công trình xử lý nước thải là 60 m³/ngày đêm.

1.3. Biện pháp, công trình ứng phó sự cố

- Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo theo đúng thiết kế.
- Thường xuyên kiểm tra theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hệ thống đảm bảo hệ thống hoạt động không bị quá tải.
- Trong trường hợp hệ thống xử lý chưa đáp ứng yêu cầu Trang trại sẽ ngừng tăng đàn và không xả lượng nước thải chưa đáp ứng yêu cầu ra ngoài môi trường, Công ty thực hiện bơm toàn bộ nước thải vào hồ sự cố để lưu giữ tạm thời.
- Hồ sự cố kích thước D x R x H = 15m x 4m x 2,5m dung tích 150 m³. Hồ được lu lèn và phủ vật liệu HDPE dưới đáy bể và xung quanh, đảm bảo không bị thấm thấu xuống dưới và ra xung quanh. Nước thải chỉ xả ra môi trường khi chất lượng nước thải đảm bảo yêu cầu QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

- Chủ trang trại dự phòng bơm di động và đường ống để sẵn sàng bơm nước thải từ khu vực xảy ra sự cố về hồ sự cố và bố trí 01 đường ống cố định PVC D110 để dẫn nước thải từ bể điều hòa về hồ sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm là 03 tháng kể từ ngày cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải có công suất 60 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Vị trí lấy mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tại điểm xả ra khe cạn (cách Ngòi Hút khoảng 100 m) sau đó thải ra suối Ngòi Hút thuộc địa phận thôn Khe Gai, xã Đông An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên. Tọa độ cống xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận được xác định bằng máy định vị theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiếu 3 như sau: Tọa độ điểm xả thải: X = 2428535,265; Y = 479293,478

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Giám sát các thông số ô nhiễm bao gồm 6 chỉ tiêu, cụ thể: pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng Nitơ (theo N), tổng Coliform.

2.3. Tần suất lấy mẫu

2.3.1. Mẫu tổ hợp: Một mẫu tổ hợp được lấy theo thời gian gồm 03 mẫu đơn lấy ở 03 thời điểm khác nhau trong ngày (sáng, trưa - chiều, chiều - tối) hoặc ở 03 thời điểm khác nhau (đầu, giữa, cuối) của ca sản xuất, được trộn đều với nhau.

2.3.2. Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tần suất và thông số quan trắc được quy định như sau: Tần suất quan trắc nước thải tối thiểu là 15 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải*); thông số quan trắc thực hiện theo giấy phép môi trường.

Trường hợp cần thiết, chủ trang trại có thể đo đạc, lấy và phân tích thêm một số mẫu đơn đối với nước thải sau xử lý của công trình xử lý chất thải trong giai đoạn này để đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất thải và có giải pháp điều chỉnh, cải thiện, bổ sung công trình xử lý nước thải đó theo hướng tốt hơn.

2.3.3. Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh quy định tại điểm b mục 2.3 phần phụ lục của tờ trình này; trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp. Tần suất và thông số quan trắc được quy định như sau: Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải*); thông số quan trắc thực hiện theo giấy phép môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi của Trang trại đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, đảm bảo các quy chuẩn quốc gia về môi

trường hiện hành trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Thực hiện quan trắc định kỳ chất lượng nước thải phát sinh từ cơ sở với tần suất 03 tháng/01 lần theo quy định.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm nếu nước thải xử lý không đảm bảo quy chuẩn cho phép, thì Chủ trang trại phải thực hiện giảm đàn hoặc dừng hoạt động chăn nuôi để thực hiện nâng cấp, cải tạo, bổ sung thêm các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải và phải xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi thải ra ngoài môi trường. Đồng thời phải có văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về việc xin gia hạn vận hành thử nghiệm (*văn bản phải nêu rõ lý do gia hạn và thời gian gia hạn*), thời gian gia hạn không quá 06 tháng. Ngoài ra trong quá trình vận hành thử nghiệm Chủ trang trại phải thực các yêu cầu theo quy định tại Khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

PHỤ LỤC 02:
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 104/GPMT-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động chăn nuôi, xử lý chất thải, từ các phương tiện giao thông vận tải của cán bộ, công nhân, xe vận chuyển lợn, thức ăn chăn nuôi,... Thành phần chủ yếu là bụi, NH₃, N₂O, CH₄, CO, SO₂, NO_x, VOC...

2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

- Thực hiện quây kín nhà sản xuất phân, đồng thời thường xuyên thực hiện phun chế phẩm vi sinh EMIC với tại khu vực sản xuất phân.

- Bố trí các quạt hút gió tại các vị trí hút gió ở các chuồng nuôi lợn đảm bảo giữ cho môi trường thông thoáng; thường xuyên bố trí công nhân thu gom chất thải, quét dọn vệ sinh chuồng trại để xử lý tránh gây phát tán ra môi trường xung quanh.

- Dùng tấm lưới quây quanh khu vực quạt thông gió khu vực các chuồng nuôi, đồng thời thường xuyên phun chế phẩm EM trực tiếp bằng các Pec phun lên tấm lưới, nhằm hạn chế tối đa việc phát tán mùi hôi ra khu vực xung quanh; khử mùi hôi tại chuồng nuôi trong trang trại và khu vực chứa phân, bùn thải bằng chế phẩm vi sinh EMIC với tần suất 01 lần/tuần.

- Thực hiện che kín khu vực bể thu nước và phân từ các chuồng nuôi về trước khi đưa vào máy ép phân.

- Xây dựng hệ thống mương rãnh, ống dẫn nước thải đều thiết kế kín (để tránh thoát mùi); thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo trì, vận hành, hệ thống xử lý nước thải đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực trang trại để hạn chế việc phát sinh lượng khí thải từ hoạt động chăn nuôi ra ngoài môi trường.

- Rải vôi xung quanh khu vực trang trại.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện nghiêm các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo QCVN 02:2019/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc chp phép bụi tại nơi làm việc; Quyết định số 3733:2002/BYT của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

PHỤ LỤC 03:
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

1. Nguồn phát sinh

Trong giai đoạn hoạt động, tại Trang trại sẽ phát sinh tiếng ồn từ hoạt động chăn nuôi, hoạt động vận chuyển thức ăn, vận chuyển lợn, hoạt động máy móc, thiết bị xử lý chất thải.

2. Công trình, biện pháp giảm thiểu

- Xây dựng tường bao xung quanh khu vực trang trại.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên trang trại.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện nghiêm các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung phát sinh trong giai đoạn hoạt động đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 27:2010/BTNMT quy định giới hạn tối đa cho phép mức gia tốc rung tại các khu vực có con người sinh sống.

PHỤ LỤC 04:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1114/GPMT-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên của Trang trại, khối lượng phát sinh là 40 kg/ngày.

- Chất thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi: Khối lượng phân thải phát sinh là 0,9 tấn/ngày.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh là 200 kg/01 chu kỳ nạo vét (01 năm thực hiện nạo vét 01 lần).

- Chất thải thông thường khác như: thùng cát tông, thùng chứa thuốc, vỏ bao bì, ... khối lượng phát sinh là 32 kg/ngày.

- Chất thải nguy hại: Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu, các loại dầu mỡ thải, bùn thải, cặn thải từ hệ thống xử lý nước cấp, chất thải có thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại... với khối lượng trung bình khoảng 13 kg/tháng, cụ thể như sau:

STT	Loại CTNH	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại thông thường	Khối lượng (kg/tháng)
1	Dầu thải	16 01 12	Rắn	2,0
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	3,0
3	Rẻ lau, gang ty dính dầu mỡ	18 02 01	Rắn/lỏng	1,0
4	Hoá chất thải có chứa thành phần nguy hại (thuốc sát trùng thừa thải...)	13 02 02	Rắn, lỏng	5,0
5	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (vỏ bao bì, thuốc sát trùng thải...)	14 02 02	Rắn, lỏng bùn	
6	Lợn chết do dịch bệnh	14 02 01	Rắn	Phát sinh khi có dịch bệnh
Tổng				13

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích 15 m², kích thước: dài x rộng x cao = 4,4 x 3,5 x 3,5 m, đặt sau khu vực nhà lớp học 04 tầng. Khu lưu giữ có nền bê tông chống thấm, tường bao quanh xây cao 3,5 m, mái lợp bằng tôn. Chủ trang trại có trách nhiệm thuê đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích 18 m², kích thước chiều dài x chiều rộng x chiều cao = 6,0 x 3,0 x 4,2 m. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại xây tường gạch dày 110mm xây xung quanh, mái tôn, nền bê tông, có 01 cửa ra vào, có 01 gờ ngăn khu vực cửa ra vào (*chiều rộng 110 mm, chiều cao 10 cm*). Chủ trang trại có trách nhiệm thuê đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Thu gom vào bể chứa nước thải và sử dụng làm phân.

- Chất thải rắn từ hoạt động chăn nuôi (phân thải): Công ty xây dựng 02 kho chứa tạm phân thải, 01 kho ở khu vực cuối trang trại có diện tích 18 m², mái lợp tôn, tường xây bao quanh dày 110 mm và 01 kho khu vực giáp máy ép phân có diện tích 16,5 m², mái lợp tôn, tường xây bao quanh dày 110 mm.

- Một số loại chất thải rắn thông thường: Bao bì, thùng cát tông, thùng chứa thuốc, vỏ bao bì... có khả năng tái sử dụng sẽ được thu gom và bán cho các đơn vị và cá nhân có nhu cầu. Các loại chất thải rắn thông thường còn lại được thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý cùng với rác thải sinh hoạt.

2.2.2. Chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí các xô, sọt để thu gom rác thải sinh hoạt tại các khu vực phát sinh. Rác thải sinh hoạt được tập kết tại thùng chứa rác bằng nhựa composite (loại 100 lít) có nắp đậy và thuê đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý.

- Kho tập kết trước khi chuyển đi xử lý diện tích 3,2 m², kích thước dài x rộng = 2,0 x 1,6 m. Mái lợp tôn, tường xây bao quanh dày 110mm.

2.2.3. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Được dùng để sản xuất phân hữu cơ.

2.2.4. Đối với xác lợn chết (không do dịch bệnh): Công ty đã bố trí khu vực chôn lấp xác lợn chết với diện tích 500 m² phía Bắc của Trang trại để chôn xác lợn chết. Khu vực xử lý xác lợn chết đảm bảo cách xa khu vực chăn nuôi, nguồn nước và không gây ảnh hưởng đến người dân sinh sống xung quanh khu vực trang trại.

II. YÊU CẦU VỀ ỨNG PHÓ MÔI TRƯỜNG

1. Thường xuyên kiểm tra theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo hệ thống hoạt động không bị quá tải. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải chưa đáp ứng được yêu cầu ngừng việc tăng đàn và không xả nước thải chưa được xử lý nước thải ra ngoài môi trường, toàn bộ nước thải phải đưa về hồ sục để lưu giữ tạm thời.

2. Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định về phòng cháy, chữa cháy.

3. Các loại chất thải nguy hại phải được phân loại, để đúng vào các thùng chứa được dán nhãn, mã số quản lý chất thải nguy hại; kho chứa chất thải nguy hại phải đảm bảo theo quy định. Định kỳ thuê đơn vị có đầy đủ chức năng để vận chuyển, xử lý đảm bảo theo quy định.

PHỤ LỤC 05:
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ~~104~~/GPMT-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường được cấp phép; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

1. Thường xuyên vận hành công trình xử lý chất thải (đặc biệt là nước thải, phân thải, mùi) và phải xử lý đảm bảo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường trong quá trình hoạt động chăn nuôi tại Trang trại.

2. Tổ chức thi công xây dựng theo đúng tọa độ, ranh giới, diện tích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

3. Thực hiện quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện trang trại (*xác lợn chết, phân thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại,...*) đảm bảo theo quy định.

4. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Thực hiện nghiêm Chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo.

6. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với Trang trại.

7. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến Trang trại khi được yêu cầu./.